

TỈNH BẾN TRE

Bản án số: 73b/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/8/2022.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Mura Lớn.

2. Ông Nguyễn Chí Hữu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 8 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình đã thụ lý số: 62/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 20/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 54b/2022/QĐST-HNGĐ ngày 03/6/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 493/TB-TA ngày 25/7/2022. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Hữu T2, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 20/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T trình bày: Chị T và anh T2 do quen biết nhau trước nên tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng vài năm đầu nhưng thời gian sau đó vào năm 2019 đã phát sinh rất

hiều mâu thuẫn, nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T2 vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Do đó, chị và anh T2 đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nay do tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T2 để mỗi người có cuộc sống riêng. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T3, sinh ngày 30/8/2014 và cháu Lê Yến N, sinh ngày 08/01/2018, hiện 02 cháu đang sống chung với mẹ ruột của anh T2 bên gia đình nội. Sau khi ly hôn, chị đồng ý để anh T2 nuôi cả 02 con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con mà sẽ chăm lo cho con theo khả năng của chị. Về tài sản chung: chị và anh T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu T2 vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cụ thể: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh T; về con chung: anh Nguyễn Hữu T2 được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T3, sinh ngày 30/8/2014 và cháu Lê Yến N, sinh ngày 08/01/2018, chị Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi; về tài sản chung: chị T và anh T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Hữu T2 vắng mặt tại phiên tòa không có lý do dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh T2 là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Hữu T2 trên cơ sở quen biết nhau trước nên cả hai tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre vào năm 2014. Xét thấy, hôn nhân của chị T và anh T2 đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hôn nhân gia đình nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, chị T và anh T2 có thời gian sống hạnh phúc và

có với nhau 02 con chung nhưng vì những mâu thuẫn trong cuộc sống gia đình mà đã dẫn đến việc chị T xin ly hôn. Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị T cho rằng nguyên nhân mất hạnh phúc là do anh T2 có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh T2 vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã nhau. Do đó, chị và anh T2 đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mời chị T và anh T2 đến Tòa án nhiều lần để tiến hành hòa giải hôn nhân của anh chị nhưng anh T2 vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ anh T2 không có thiện chí hàn gắn, đoàn tụ vợ chồng với chị T. Ngoài ra, theo biên bản xác minh tại chính quyền địa phương thì cũng xác định chị T và anh T2 đã ly thân nhau khoảng 02 đến 03 năm nay. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: chị T và anh T2 là vợ chồng nhưng anh chị không quan tâm, giúp đỡ nhau để tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt mà anh chị lại bỏ mặc nhau, sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay nên anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[3] Về con chung: thời gian sống chung, chị T và anh T2 có 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T3, sinh ngày 30/8/2014 và cháu Lê Yến N, sinh ngày 08/01/2018, hiện 02 cháu đang sống chung với mẹ ruột của anh Tiền bên gia đình nội của 02 cháu. Sau khi ly hôn, chị T đồng ý giao cho anh T2 trực tiếp nuôi 02 con chung, chị không cấp dưỡng nuôi con mà sẽ chăm lo cho con theo khả năng của chị. Hội đồng xét xử xét thấy: hiện tại cháu T3 và cháu N đang sống chung với mẹ ruột của anh Tiền; tại biên bản lấy ý kiến con chung chưa thành niên cháu T3 cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh T2; hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 cũng không có văn bản trình bày ý kiến tranh chấp về nuôi con chung với chị T, cũng như không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho sự phát triển tốt về thể chất, sự phát triển tốt về tinh thần và đảm bảo việc học hành cho cháu T3 và cháu N nên Hội đồng xét xử giao cháu T3 và cháu N cho anh T2 được trực tiếp nuôi là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: chị T trình bày là chị và anh T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 cũng không có văn bản trình bày ý kiến và đơn tranh chấp về chia tài sản khi ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: chị T trình bày là không có. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh T2 cũng không có văn bản trình bày là anh và chị T có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[6] Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị T phải chịu do chị T yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thanh T. Chị Nguyễn Thanh T và anh Nguyễn Hữu T2 được ly hôn với nhau.

Về con chung: sau khi ly hôn, anh Nguyễn Hữu T2 được trực tiếp nuôi 02 con chung là cháu Nguyễn Phương T3, sinh ngày 30/8/2014 và cháu Lê Yến N, sinh ngày 08/01/2018; chị Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T2 không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: chị T trình bày là chị và anh T2 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: chị T trình bày là không có nên không đề cập.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004958 ngày 22/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc nên chị không còn phải nộp thêm.

Án phí sung vào công quỹ Nhà nước.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA
TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mô Cày Bắc;
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Đạt